

TOÀ ÁN ND TP VŨNG TÀU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:205/2024/QĐST - HNGĐ Vũng Tàu, ngày 15 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TẠI PHIÊN TÒA**

- Với thành phần hội đồng xét xử gồm có;
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn
Ông Nguyễn Văn Tám
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Ngô Minh - Cán bộ tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.
- Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 244 và Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 118 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 368/2024/HNST ngày 28-6 - 2024 giữa các đương sự;
- Nguyên nhân: Bà Lê Thị Kim O, sinh năm:1978
Địa chỉ: F - đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Bị đơn: Ông Trần Quốc B, sinh năm 1975
Địa chỉ: B - đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
+ Ông Lê Thường X, sinh năm 1957 và bà Lê Thị D, sinh năm 1958.
Địa chỉ: I N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa (có đơn xin vắng mặt).
+ Ngân hàng TMCP C - Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh B1
- Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Lục Thảo Phương H
Địa chỉ: A A, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu(có đơn xin vắng mặt).

XÉT THẤY

Tại phiên Tòa nguyên đơn bà Lê Thị Kim O và bị đơn ông Trần Quốc B thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thường X, bà Lê Thị D và Ngân hàng TMCP C - Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh B1 rút yêu cầu độc lập.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị Kim O và ông Trần Quốc B.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Kim O và ông Trần Quốc B thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Bà O, ông B có 02 người con là Trần Ái V, sinh ngày 25-12-2004 và Trần Bình Y, sinh ngày 09-6-2011. Cháu V đã trưởng thành, bà O, ông B không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với cháu Trần Bình Y; theo nguyện vọng của con và sự thỏa thuận của bà O, ông B; bà O được quyền trực tiếp nuôi con Trần Bình Y.

Bà O cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông B cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của bà O.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Quốc B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Bình Y là 3.000.000đ(Ba triệu đồng)/ 01 tháng.

Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và kết thúc khi cháu Y đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc cháu yên được nhận làm con nuôi.

Quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo điều 119 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà O rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung ông B cũng đồng ý; căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu.

[5] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thường X, bà Lê Thị D và Ngân hàng TMCP C rút yêu cầu độc lập; căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu.

[6] Án phí HNST: Bà Lê Thị Kim O phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm năm ngàn đồng), bà O đã nộp theo biên lai số 0000291 ngày 28 tháng 6 năm 2024, của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà Lê Thị Kim O đã nộp xong án phí Hôn nhân sơ thẩm.

[6.1] Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ: Ông Trần Quốc B phải chịu 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng).

[6.2] Nguyên đơn bà Lê Thị Kim O được hoàn trả lại 37.000.000đ(Ba mươi bảy triệu) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000291 ngày 28-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

[6.3] Ông Lê Thường X, bà Lê Thị D là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

[6.4] Ngân hàng TMCP C được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 6.500.000đ(Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004462 ngày 17-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

[7] Chi phí tố tụng: Định giá, thẩm định tài sản tranh chấp: 5.500.000đ(Năm triệu năm trăm ngàn đồng) mỗi đương sự chịu $\frac{1}{2}$; nguyên đơn bà O đã nộp do đó ông B có nghĩa vụ hoàn trả bà O 2.750.000đ(Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)

[7] Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Tòa án tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V;
- Ủy ban ND phường T, thành phố V;
- Lưu.

Trịnh Hồng Phúc

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nơi nhận:

- *Toà án tỉnh BR-VT*
- *VKS ND TP. VT*
- *Chi cục THA TP. VT*
- *Các đương sự*
- *Lưu*